

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-PT

Ngày 05-02-2024

V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế;
tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu
cầu di dời tài sản trên đất; tranh chấp
về lối đi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

Các Thẩm phán: Ông Phùng Đức Chính.

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Mông Thị Mai Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2023/TLPT-DS ngày 01-12-2023 về việc Tranh chấp chia di sản thừa kế; tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất; tranh chấp về lối đi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 27-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2024/QĐ-PT ngày 02-01-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐ-PT ngày 25-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; giữa đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Văn S; cư trú tại: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tùng L; địa chỉ: Đường T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 4 năm 2023); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Giang T, Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm Hữu hạn N thuộc Đoàn Luật sư

thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số xx, đường N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn và là người có yêu cầu phản tố:* Ông Lương Văn T; cư trú tại: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Dương Văn Đ; cư trú tại: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lương Thị T, sinh năm 1950; cư trú tại: Xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Lương Thị M, sinh năm 1954; cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Lương Thị N, sinh năm 1957; cư trú tại: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Bà Lương Thị T1, sinh năm 1962; cư trú tại: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Lương Thị L, sinh năm 1969; cư trú tại: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Vi Thị Đ, sinh năm 1958; cư trú tại: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Ông Dương Văn T, sinh năm 1979; cư trú tại: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Anh Vi Anh P, cư trú tại: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Chị Vi Thị Phương A; cư trú tại: Khu phố x, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Lương Văn S, là nguyên đơn.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện trưởng, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Lương Văn T1 và cụ Nguyễn Thị U sinh được 08 người con gồm: Lương Thị T, Lương Thị M, Lương Thị N, Lương Văn T (bị đơn), Lương Thị T1, Lương Văn S (nguyên đơn), Lương Thị B (đã chết) và Lương Thị L.

Ngày 13-12-1990, cụ Lương Văn T1 chết không để lại di chúc.

Ngày 20-9-2001, cụ Nguyễn Thị U nhờ ông Vũ Duy H viết Chúc thư với nội dung: Khi cụ Nguyễn Thị U tạ thế, ông Lương Văn S có trách nhiệm lo tang lễ và cúng giỗ. Đối với 02 thửa ruộng, cụ Nguyễn Thị U đã có đơn đề nghị chính quyền thị trấn C giải quyết nhưng chưa xong, nếu cụ Nguyễn Thị U tạ thế thì giao ông Lương Văn S tiếp tục đứng đơn. Mảnh đất thổ cư trước đây gia đình sinh sống, cụ đã trồng lưu niên, nay giao cho vợ chồng ông Lương Văn S. Chúc thư không có công chứng chứng thực; có 02 người làm chứng là Nguyễn Văn D và Hà Xuân C.

Ngày 27-12-2001, cụ Nguyễn Thị U nhờ con gái là bà Lương Thị L viết đơn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C với nội dung: Đầu năm 2000, cụ về gia đình ông Lương Văn S ở tạm một thời gian, sau đó bị mắc bệnh hiểm nghèo; ông Lương Văn S đã gọi người đến nhờ viết Di chúc, giao diện tích đất nông nghiệp do Lương Văn T đứng tên cho Lương Văn S. Trong lúc bệnh nặng không làm chủ được bản thân, nên cụ đã điểm chỉ vào Di chúc. Do nội dung Di chúc không đúng ý chí của cụ, nên cụ Nguyễn Thị U nhờ con gái viết đơn gửi đến UBND thị trấn C thu hồi bản Di chúc do ông Vũ Duy H viết, anh Nguyễn D, anh Hà C ký người làm chứng. Đơn đề nghị nói trên, có chữ ký của những người làm chứng gồm ông Lương Văn C, ông Lương Văn L, ông Lương C, ông Nguyễn Văn Đ và được UBND thị trấn C xác nhận vào ngày 31-12-2001.

Ngày 26-01-2002 cụ Nguyễn Thị U chết.

Theo nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Di sản do cụ Lương Văn T1 và cụ Nguyễn Thị U để lại gồm 03 thửa đất là các thửa số 50, 51 và 52, cùng tờ bản đồ số 61, Bản đồ địa chính thị trấn C; địa chỉ: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Thửa đất 52 diện tích 569,7m² giáp đường Quốc lộ. Năm 1980, cụ Nguyễn Thị U đã chia thửa đất này ra làm 02 phần; một phần có diện tích khoảng 510m² do ông Lương Văn T quản lý sử dụng; còn ông quản lý sử dụng khoảng 59,7m². Việc phân chia thửa đất 52 cho ông và ông Lương Văn T được các chị em trong gia đình thừa nhận, thể hiện tại biên bản họp gia đình ngày 11-7-2019. Năm 1985, ông Lương Văn S làm con đường rộng khoảng 03m, từ đường Quốc lộ đi vào thửa đất phía trong, để phân chia ranh giới hai phần diện tích đất. Năm 2018-2020, ông Lương Văn T lấn chiếm sang phần diện tích đất của ông được chia, khi UBND thị trấn C hòa giải đã xác định thửa đất số 52 có diện tích là 721m², trong đó ông Lương Văn T quản lý sử dụng 652m² còn ông quản lý sử dụng 68,7m² bao gồm cả diện tích đường đi. Ngày 31-12-2002, ông Lương Văn T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 52.

Đối với thửa đất số 50 đã được ông quản lý, sử dụng và trồng cây lâu năm trên đó từ năm 1989 đến nay, nhưng ông Lương Văn T đã kê khai và được cấp GCNQSDĐ.

Đối với thửa đất số 51 hiện là đất trống, do ông Lương Văn T quản lý, sử dụng và đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Lương Văn T.

Ngày 13-3-2023, ông Lương Văn S gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng; yêu cầu:

- Hủy GCNQSDĐ đã cấp đối với thửa đất số 52 mang tên ông Lương Văn T;

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lương Văn T1 và Nguyễn Thị U đối với thửa đất số 50, 51 và 52. Yêu cầu chia thửa đất số 52 theo di chúc, theo đó ông Lương Văn S yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ diện tích; nếu di chúc không hợp pháp thì yêu cầu chia theo luật; yêu cầu chia thửa đất số 50 và 51 cùng các tài sản trên đất; ưu tiên chia phần có tài sản của ông Lương Văn S cho ông ông Lương Văn S và các chị em gái để thuận tiện cho việc thi hành. Ngoài ra, ông Lương Văn S còn yêu cầu được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng hiện có trên thửa đất số 50.

Bị đơn Lương Văn T trình bày: Cụ Lương Văn T1 và cụ Nguyễn Thị U sinh được 08 người con, trong đó có bà Lương Thị B đã chết. Năm 1990, cụ Lương Văn T1 chết không để lại di chúc; năm 2002 cụ Nguyễn Thị U chết; trước khi chết, cụ Nguyễn Thị U có lập Chúc thư nhưng năm 2000 cụ Nguyễn Thị U đã lập văn bản hủy Chúc thư đó.

Khi còn sống, hai cụ tạo lập được 09 thửa đất và đã chia cho ông quản lý sử dụng 04 thửa, ông Lương Văn S quản lý sử dụng 05 thửa. Việc chia tài sản cho ông Lương Văn S diễn ra từ năm 1986, khi đó ông Lương Văn S chưa lấy vợ nhưng đã tách riêng ra ở riêng. Năm 1988, ông đi bộ đội về và sinh sống cùng bố mẹ và được bố mẹ chia ruộng đất. Khi bố mẹ phân chia đất đai thì Nhà nước chưa tiến hành đo đạc lập Bản đồ nên ông Lương Văn T không biết cụ thể số thửa, số bản đồ đối với những thửa đất mà ông Lương Văn S đã được chia. Sau này khi Nhà nước đo đạc Bản đồ ông mới biết số thửa mà ông được chia là 50, 51, 52 và 01 thửa đất ao nhưng đã bị lấp để làm đường Quốc lộ 1A.

Hiện nay, thửa đất số 50 ông Lương Văn T đã cho ông Lương Văn S trồng cây; còn ông Lương Văn T đang quản lý sử dụng thửa đất số 51 và 52.

Năm 1994, ông Lương Văn T đã kê khai và được cấp GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất nông nghiệp là thửa đất số 07 và 08 cùng tờ bản đồ số 22, Bản đồ giải thửa thị trấn C. Năm 2001, cụ Nguyễn Thị U có đơn khiếu nại gửi UBND huyện C về việc ông được cấp GCNQSDĐ nên cán bộ phòng địa chính đã giữ lại GCNQSDĐ đến nay không trả lại cho ông. Đối với thửa số 52, chính là thửa đất mà trước đây ông cùng bố mẹ sinh sống, ông đã thực hiện kê khai và đã được cấp GCNQSDĐ vào năm 2002. Vì vậy, ông Lương Văn T đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 24-7-2023, ông Lương Văn T có đơn phản tố, yêu cầu ông Lương Văn S di dời toàn bộ cây trồng ra khỏi thửa đất số 50 để trả lại thửa đất số 50 cho ông. Ngày 03-8-2023, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của ông Lương Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn gồm các bà: Lương Thị T, Lương Thị M, Lương Thị N, Lương Thị T1, Lương Thị L đều thừa nhận: Các bà với nguyên đơn, bị đơn là anh chị em ruột và tự nguyện cho ông Lương Văn S phần di sản mà mình được chia; riêng bà Lương Thị N đề nghị chia cho ông Lương Văn T phần đất mặt đường Quốc lộ kéo thẳng vào mép bờ ruộng đến cổng nhà ông Dương Văn Đ, chia cho ông Lương Văn S phần đất đi từ đường Quốc lộ vào cổng nhà ông Dương Văn Đ xuống vườn cây do ông Lương Văn S trồng; phần đất của bà Lương Thị N được chia sẽ cho ông Lương Văn T hoặc Lương Văn S, tùy thuộc vào phần đất nằm trên diện tích ông Lương Văn T hay ông Lương Văn S được chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn là bà Vi Thị Đ (vợ ông Lương Văn T): Đồng ý với ý kiến và yêu cầu của ông Lương Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn Đ, ông Dương Văn T trình bày: Năm 2004, vợ chồng ông Lương Văn S đã chuyển nhượng cho ông Dương Văn Đ 904,5m² và ông đã được cấp GCNQSDĐ với số thửa 191 tờ bản đồ số 61. Khi thỏa thuận chuyển nhượng, có con đường rộng 01m nối từ Quốc lộ 1A vào đến thửa đất nhận chuyển nhượng; hai bên có thỏa thuận sau này ông Lương Văn S mở được đường đi khác thì đường đi này thuộc về gia đình ông Dương Văn Đ; việc thỏa thuận này có lập biên bản, có chữ ký của cả ông Lương Văn S và ông Lương Văn T. Năm 2012 ông Dương Văn Đ cho em trai là Dương Văn T quản lý sử dụng diện tích đất đã nhận chuyển nhượng nói trên. Nay diện tích đất tranh chấp giữa ông Lương Văn S với ông Lương Văn T có liên quan đến đường đi này. Ngày 25-7-2023, ông Dương Văn Đ có đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án xác định vị trí, diện tích đường đi từ Quốc lộ 1A vào thửa đất của ông Dương Văn Đ để gia đình ông Dương Văn Đ có đường đi ra đường công cộng. Ngày 07-8-2023, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu độc lập của ông Dương Văn Đ.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng, ông Lương Văn C cho biết: Ông là anh em con chú con bác với nguyên đơn, bị đơn. Ông được cụ Nguyễn Thị U mời đến nhà ông Lương Văn T chứng kiến việc cụ Nguyễn Thị U yêu cầu hủy Chúc thư, theo cụ Nguyễn Thị U, Chúc thư đó không đúng với ý chí của cụ; bà Lương Thị L là người trực tiếp viết văn bản cho cụ Nguyễn Thị U; khi đó có cả đại diện thôn và ông Nguyễn Văn Đ, ông Lương Văn L. Tại thời điểm đó, cụ Nguyễn Thị U mắc bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn minh mẫn.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, thể hiện:

Đất tranh chấp gồm 03 thửa là các thửa số 50, 51 và 52, cùng tờ bản đồ số 61, Bản đồ địa chính thị trấn C, lập năm 1999; địa chỉ: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích thửa đất số 52 là 370m² trong đó 104,7m² đất ở và 265,3m² đất hành lang giao thông; diện tích thửa số 50 là 508m²; diện tích thửa số 51 là 351,4m².

Trên thửa số 50: Có lối đi vào thửa đất của hộ ông Dương Văn Đ rộng 01m, được phân cách với phần còn lại của thửa số 50 bằng hàng gạch không nung; 18 cây nhãn đường kính từ 07cm-10cm; 10 cây ổi đường kính từ 06cm-

10cm; 01 cây chuối tiêu chưa ra hoa, 01 cây na đường kính dưới 05cm; đều do ông Lương Văn S tạo dựng.

Trên thửa số 51: Có 03 cây nhãn đường kính từ 08cm-20cm; 03 cây chanh đường kính dưới 05cm; 50m² khoai mon; 07m² rau muống; 01 bờ kè đá cắt ngang thửa đất theo hướng Tây Bắc-Đông Nam; phía trên bờ kè về hướng Đông của thửa đất có phần phía trước của ngôi nhà và sân gạch lợp mái tôn là tài sản của ông Lương Văn T.

Trên thửa số 52: Có 02 cây sấu đường kính từ 15-20cm; 01 cây sấu đường kính trên 20cm; 02 cây xoài đường kính từ 40cm-65cm; 01 ngôi nhà tạm mái lợp tôn, tường xây tôn do ông Lương Văn T tạo dựng.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá: Thửa đất số 50 và 51 thuộc loại đất trồng cây hàng năm khác, trị giá 54 000 đồng/m² x 859,4 m² = 46.407.000 đồng. Thửa đất số 52 thuộc loại đất ở trị giá 2.500.000 đồng/m² x 370m² = 925.000.000 đồng. Tổng trị giá đất là 971.407.000 đồng; tổng trị giá cây trồng trên đất là 15.253.000 đồng; tổng trị giá công trình trên đất là 272.520.392 đồng. Tổng cộng trị giá toàn bộ tài sản là 1.259.180.392 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu một trăm tám mươi nghìn ba trăm chín mươi hai đồng).

Bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 27-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; đã quyết định:

Căn cứ các Điều 1, 2, 3, 4, 33 Luật Đất đai năm 1993; khoản 29 Điều 3; Điều 5; các Điều 166, 167, 202; 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào các Điều 115, 161, 164, 609, 610, 611, 612, 613, 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các khoản 2, 5, 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 150; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 166; điểm b khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn S về chia di sản thừa kế.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Lương Văn T về tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, đòi với thửa đất số 50 từ bản đồ số 61.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về quyền sử dụng của hộ gia đình ông Dương Văn Đ, hộ gia đình ông Dương Văn T đối với lô đi có chiều rộng 01m từ Quốc lộ 1A vào thửa đất số 191 từ bản đồ số 61, thuộc quyền sử dụng của hộ ông Dương Văn Đ (cụ thể diện tích, độ dài các cạnh và ranh giới tiếp giáp được thể hiện trên hình vẽ nội các điểm A14, A15, A31, A41, A44, A43, A40, A30, A14 thể hiện trên mảnh trích đo kèm theo Bản án).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn xác định nghĩa vụ chịu tiền chi phí tố tụng, án phí của các đương sự và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ông Lương Văn S kháng cáo đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn S.

Ngày 25-10-2023, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành kháng nghị số 88/QĐ-VKS-DS, kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi thụ lý, Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập bổ sung tài liệu liên quan đến vụ án; kết quả: Việc cấp GCNQSDĐ cho ông Lương Văn T đối với thửa đất số 52 thuộc trường hợp cấp lần đầu, đến nay chưa có biến động về diện tích và chủ sử dụng đất. Lời khai của anh Vi Anh P thể hiện: Mẹ anh là bà Lương Thị B, sinh năm 1967, chết năm 2001; bà Lương Thị B sinh được 02 người con là anh và chị Vi Thị Phương A, hiện trú tại khu phố x, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; đề nghị Tòa án triệu tập tham gia tố tụng để đảm bảo quyền lợi cho chị em anh. Tòa án đã ra thông báo và triệu tập anh Vi Anh P và chị Vi Thị Phương A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm kháng nghị.

Ông Lương Văn S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lương Văn S trình bày: Không có tài liệu chứng minh cụ Nguyễn Thị U tặng cho ông Lương Văn T các thửa đất số 50, 51 và 52. Việc ông Lương Văn T được cấp GCNQSDĐ khi còn thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lương Văn T1 và cụ Nguyễn Thị U. Mặt khác, việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 52 trong đó có cả diện tích đường đi vào nhà đất của ông Dương Văn Đ và cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 50 khi trên đất có tài sản của ông Lương Văn S; quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc các thửa đất số 50, 51 và 52 là của cụ Lương Văn T1 và cụ Nguyễn Thị U tạo dựng. Vì vậy, có căn cứ để xác định đây là di sản thừa kế chưa chia. Do đó, đồng tình với kháng nghị của Viện Kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử Hủy bản án sơ thẩm.

Ông Lương Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; đương sự vắng mặt nhưng đã có bản khai tại cấp sơ thẩm, có đơn, ý kiến xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu độc lập của ông Dương Văn Đ về việc giải quyết đường đi nhưng chưa thực hiện hòa giải ở cơ sở là chưa đủ điều kiện thụ lý; mặt khác, Tòa án không yêu cầu ông Lương Văn S và ông Lương Văn T có ý kiến đối với yêu cầu độc lập của ông Dương Văn Đ là chưa đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, Bản án không thu thập làm rõ diện tích đất đường đi cụ thể là bao nhiêu, thuộc thửa đất nào nhưng đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là khó khăn cho việc thi hành án.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Lương Văn T: Bản án sơ thẩm nhận định yêu cầu về tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Lương Văn T chưa được hòa giải tại cơ sở nên cần đình chỉ do chưa đủ điều kiện thụ lý giải quyết nhưng Quyết định của Bản án lại ghi lý do đình chỉ do đương sự rút yêu cầu là không phù hợp tài liệu có trong hồ sơ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Năm 2002, hộ gia đình ông Lương Văn T được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 52; theo Sổ hộ khẩu thì cụ Nguyễn Thị U là thành viên trong hộ gia đình ông Lương Văn T nhưng khi giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm không xem xét, đánh giá đối với các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn S về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 52 là vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ.

Đối với thửa đất số 50 và 51: Theo kết quả số hóa, chồng ghép bản đồ giải thửa với bản đồ địa chính: Thửa đất số 50 là thửa đất số 08 và thửa đất số 51 là thửa đất số 07. Theo tài liệu Tòa án sơ thẩm thu thập, thì thửa số 07 và thửa đất số 08 đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Lương Văn T vào ngày 20-12-1994; năm 2001, xảy ra tranh chấp giữa ông Lương Văn T với cụ Nguyễn Thị U. Theo Công văn số 79/CNVPĐKĐĐ ngày 08-8-2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, không có thông tin kê khai cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 50 và 51; đồng thời ông Lương Văn T cũng trình bày tại bản tự khai thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ, nhưng quy chủ trên bản đồ mang tên ông. Như vậy, nguồn gốc và quá trình quản lý, kê khai cấp GCNQSDĐ thửa đất số 50 và 51 còn mâu thuẫn chưa được làm rõ, nhưng Bản án sơ thẩm đã xử bác đơn khởi kiện của ông Lương Văn S là chưa đảm bảo vi phạm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập, triệu tập đầy đủ người thừa kế thế vị tham gia tố tụng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 27-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt một số người có quyền và nghĩa vụ liên quan nhưng đã có lời khai tại cấp sơ thẩm và có đơn, ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt; ông Lương Văn S đồng ý xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của ông và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, không ai đề nghị hoãn phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Cụ Lương Văn T1 chết ngày 13-02-1990, cụ Nguyễn Thị U chết ngày 26-01-2002. Ngày 20-9-2001, cụ Nguyễn Thị U nhờ ông Vũ Duy H viết chúc thư; ngày 27-12-2001, cụ Nguyễn Thị U nhờ con gái Lương Thị L viết đơn đề nghị gửi UBND huyện C với nội dung thu hồi, hủy bỏ Di chúc do ông Vũ Duy H viết; đơn đề nghị này đã được UBND thị trấn C xác nhận ngày 31-12-2001. Do đó, có căn cứ xác định cụ Lương Văn T1 và cụ Nguyễn Thị U chết không để lại Di chúc.

[3] Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lương Văn T1 và cụ Nguyễn Thị U gồm các ông bà: Lương Thị T, Lương Thị M, Lương Thị N, Lương Văn T, Lương Thị T1, Lương Văn S, Lương Thị B và Lương Thị L.

[4] Các đương sự đều thừa nhận bà Lương Thị B đã chết, tuy nhiên lời khai của các đương sự có sự mâu thuẫn về thời gian bà Lương Thị B chết và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lương Thị B. Mặc dù cấp sơ thẩm đã bổ sung tài liệu là Biên bản thể hiện lời trình bày của anh Vi Anh P, nhưng ngoài lời khai của anh Vi Anh P không có tài liệu chứng cứ xác định bà Lương Thị B chết vào thời gian nào để có căn cứ xác định có người thừa kế thế vị hay không và nếu có người thừa kế thế vị thì gồm những ai.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận, nguồn gốc thửa đất số 50, 51 và 52 là của cụ Lương Văn T1 và cụ Nguyễn Thị U tạo dựng. Năm 1994, ông Lương Văn T được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 07 và 08 tờ bản đồ số 22 (nay là thửa 50 và 51 tờ Bản đồ số 61), khi đó thời hiệu yêu cầu chia di sản của cụ Lương Văn T1 vẫn còn. Ngày 23-11-1999, ông Lương Văn T có đơn kê khai cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 52; ngày 31-12-2002, hộ gia đình ông Lương Văn T được cấp GCNQSDĐ đối với 721m² đất thuộc thửa đất số 52, trong đó có 400m² đất ở và 321m² đất vườn; theo Sổ Hộ khẩu gia đình cấp năm 1996, thời điểm đó cụ Nguyễn Thị U là thành viên trong hộ gia đình ông Lương Văn T.

[6] Tại cấp sơ thẩm, ông Lương Văn T trình bày, thửa đất ông được chia cho quản lý sử dụng có ao, đã bị san lấp để làm đường và cung cấp một số tài liệu liên quan đến việc kiểm đếm, thu hồi bồi thường. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lương Văn T trình bày thửa đất số 52 bị thu hồi một phần để làm đường, năm 1998 ông đã được nhận tiền đền bù. Mảnh trích đo địa chính lập ngày 29-6-2023 thể hiện, so với diện tích đã được cấp GCNQSDĐ, thửa 52 có sự biến động giảm về diện tích; một phần diện tích của thửa 52 hiện nay thuộc đất giao thông và trong ranh giới bồi thường giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến việc thu hồi đất, việc biến

động diện tích đất. Mặt khác, thửa đất số 52 được cấp GCNQSDĐ bao gồm đất ở và đất vườn; Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng để xác định quyền của chủ sử dụng đất đối với diện tích đất thuộc hành lang giao thông và xác định loại đất tranh chấp để lấy đó là một trong những căn cứ định giá tài sản tranh chấp theo quy định của pháp luật.

[7] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến nghĩa vụ do người chết để lại, công sức quản lý, tôn tạo tài sản (nếu có). Mặt khác, nguyên đơn trình bày, năm 1989 nguyên đơn đã trồng cây lâu năm trên diện tích thửa đất số 50; quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn về thửa đất số 50. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu phản tố của bị đơn có liên quan đến yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì sẽ làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác hơn. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn; tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của đương sự khi chưa qua hòa giải tại cơ sở là không đúng quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm về tố tụng trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ; những vi phạm đó là nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, để vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử; Hội đồng xét xử thấy cần phải hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 27-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quy định chung. Do đó, kháng nghị đề nghị hủy Bản án sơ thẩm của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do có căn cứ để hủy Bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lương Văn S. Các vấn đề về thu thập đánh giá chứng cứ, xác định di sản thừa kế, hàng thừa kế, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và các nội dung khác liên quan đến việc giải quyết vụ án sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong quá trình giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Lương Văn S tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 27-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, thụ lý, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Lương Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Lương Văn S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Lương Văn S đã nộp theo Biên lai số 0003400 ngày 16-10-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự; người TGT khác;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: HS; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy